

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/DS-PT

Ngày 15-10- 2019

V/v tranh chấp quyền nhận tiền
bồi thường, hỗ trợ khi bị Nhà
nước thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH1 toà: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký pH1 toà: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia pH1 toà:

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi bị Nhà nước thu hồi đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2019/QĐXX-PT ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H1; sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn C, huyện T, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Gia S; sinh năm 1978 và chị Đỗ Thị H2; sinh năm: 1982; địa chỉ: Số nhà 60, tiểu khu S, thị trấn C, huyện T, tỉnh N.

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Gia S:*

Chị Đỗ Thị H2; sinh năm: 1982; địa chỉ: Số nhà 60, tiểu khu S, thị trấn C, huyện T, tỉnh N. Theo văn bản ủy quyền ngày 23-9-2019.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Vũ Thị T; sinh năm 1988

2. Anh Vũ Minh H3; sinh năm 1990

3. Chị Vũ Thị H4; sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn C, huyện T, tỉnh N.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị T, anh Vũ Minh H3, chị Vũ Thị H4:*

Bà Dương Thị H1; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn C, huyện T, tỉnh N. Theo văn bản ủy quyền ngày 23-9-2019.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Chị Đỗ Thị H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà H1 có mặt. Vắng mặt chị H2, anh S, chị T, anh H3, chị H4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là bà Dương Thị H1 trình bày:

Năm 1992 gia đình bà được Nhà nước cấp 570m² đất nông nghiệp thuộc dải đất trại cá, thị trấn C theo quyết định 115 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nam Định và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994.

Năm 2001 gia đình bà có cho ông Nguyễn Gia T2 (là bố đẻ của anh Nguyễn Gia S) thuê với số tiền 750.000đồng/1 sào, hai bên có thỏa thuận thời hạn cho thuê đến hết năm 2013. Sau năm 2013 gia đình bà đòi lại ruộng nhưng anh S là người được ông T2 cho sử dụng không trả.

Năm 2018 UBND huyện Trực Ninh thu hồi đất mở khu đô thị Thị trấn C, thì hai bên tranh chấp về tiền đền bù liên quan đến 570m², UBND thị trấn Cổ Lễ đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành. Quan điểm gia đình bà là chủ sử dụng của 570m² đất, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình bà được nhận tiền hỗ trợ đền bù đất đã bị thu hồi theo phương án đền bù, hỗ trợ của UBND huyện Trực Ninh.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án đồng bị đơn là anh Nguyễn Gia S và chị Đỗ Thị H2. Anh S ủy quyền cho chị H2 tham gia tố tụng giải quyết vụ án, chị H2 trình bày:

Ngày 09-02-2001 bố chồng chị là ông Nguyễn Gia T2 có mua của ông Vũ Văn T3 và vợ là bà Dương Thị H1 570m² đất nông nghiệp, việc mua bán này có sự làm chứng của đội trưởng đội sản xuất, sau khi mua gia đình chị đã nhập vào cùng diện tích của gia đình để canh tác sử dụng và nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước, gia đình chị sử dụng thửa đất này hơn 15 năm, công việc, thu nhập ổn định. Nay Nhà nước thu hồi gia đình chị mất công ăn việc làm, gia đình chị mới được Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Trực Ninh bồi thường tài sản trên

đất, cây trồng vật nuôi và công tôn tạo, cải tạo đất. Chị đồng ý trả giá trị đền bù về đất đã bị thu hồi, còn các khoản đền bù hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm và đời sống, gia đình chị được hưởng nên chị không chấp nhận yêu cầu của bà H1.

Ủy ban nhân dân thị trấn C trình bày: Việc mua bán chuyển đổi đất nông nghiệp giữa các hộ dân đang có tranh chấp chỉ thông qua đội sản xuất chứng thực về diện tích đất trong hợp đồng. Diện tích đất của các hộ dân đang tranh chấp nằm trong dự án khu đô thị Thị trấn C, UBND huyện Trục Ninh là chủ đầu tư dự án thực hiện việc thu hồi đất và thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Hiện hộ anh Nguyễn Gia S đã được nhận tiền đền bù tài sản trên đất, cây cối hoa màu, đối với tiền đền bù đất cho chủ đất hiện đang có tranh chấp nên Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Trục Ninh đang tạm gửi tại Kho bạc huyện Trục Ninh.

Tại công văn số 192/UBND-TNMT ngày 15-5-2019 và công văn số 225/UBND-TNMT ngày 04-6-2019 Ủy ban huyện Trục Ninh trình bày: UBND huyện Trục Ninh đã ban hành quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB 03 đợt với tổng diện tích thu hồi 94.032,3 m² của 100 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức tại 126 phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB.

- Về lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ đang có tranh chấp như sau:

+ Đối với hộ: Bà Dương Thị H1 (ông Vũ Văn T3) diện tích 570 m², thửa 75/2, tờ bản đồ số 2, có nguồn gốc là đất giao ổn định. Năm 2001 các hộ tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Gia T2 (bố ông Nguyễn Gia S) bằng giấy viết tay, thời hạn chuyển nhượng đến năm 2013. Tại thời điểm thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (GPMB) thực hiện dự án; bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng chưa thống nhất được quyền sử dụng; nên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB quy chủ cho người được giao đất ổn định, chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB về đất. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ bà H1 (T3) 125.880.000 đồng.

+ Đối với hộ ông Nguyễn Gia S: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và TĐC GPMB huyện đã chi trả cho ông Nguyễn Gia S số tiền là 2 đợt, gồm các khoản: Khối lượng đất vượt lập; tài sản, vật kiến trúc; cây trồng vật nuôi trên đất; Tổng số tiền là 140.354.000 đồng.

Do các hộ nêu trên có tranh chấp về quyền sử dụng đất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ theo phương án được phê duyệt. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh căn cứ vào các quy định của pháp luật giải quyết; khi bản án của Tòa án có hiệu lực, UBND huyện sẽ chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB

huyện chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB theo phương án được phê duyệt cho các hộ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã quyết định. Căn cứ các Điều 164, 169 Bộ luật dân sự 2005; Điều 74, 75 Luật đất đai 2013.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về quyền được nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất đã bị thu hồi của bà Dương Thị H1.

2. Bà Dương Thị H1 có quyền đến UBND huyện Trục Ninh làm thủ tục nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất đã bị thu hồi. Theo danh sách bồi thường, hộ bà H1 được nhận số tiền 125.880.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Gia S và chị Đỗ Thị H2 về đòi nhận các khoản tiền bồi thường hỗ trợ về đất và các khoản hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm, đối với diện tích 570m² đất đã bị thu hồi.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17-7- 2019 chị Đỗ Thị H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị về đòi nhận các khoản tiền bồi thường hỗ trợ về thu hồi đất và các khoản hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp về việc làm, ổn định đời sống đối với đất đã bị thu hồi. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho gia đình chị.

Tại phiên tòa, chị H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và chị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Dương Thị H1 trình bày: Năm 2001 chồng bà là ông Vũ Văn T3 cho ông Nguyễn Gia T2 là bố đẻ anh S thuê 570m² đất nông nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994, hai bên thỏa thuận thời hạn sử dụng đến hết năm 2013, gia đình bà đã nhận 750.000đ/1 sào/12 năm. Năm 2018 Nhà nước thu hồi 570m² đất, bà xác định diện tích đất bị thu hồi là của gia đình bà nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình bà được nhận tiền bồi thường đền bù đất đã bị thu hồi, khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tạo việc làm và ổn định đời sống, còn các khoản khác bà không yêu cầu. Bà không nhất trí với kháng cáo của bị đơn.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H2 yêu cầu được nhận khoản tiền đòi bồi thường đất, các khoản tiền bồi thường hỗ

trợ về thu hồi đất và các khoản hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp về việc làm, ổn định đời sống. Về quan hệ pháp luật cấp sơ thẩm xác định chưa đúng, bà H1 yêu cầu anh S, chị H2 trả lại đất mà ông T2 đã mua từ năm 2001, diện tích đất này đã bị thu hồi, số tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đang gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Trục Ninh, anh S chị H2 không phản tố, cấp sơ thẩm buộc anh S, chị H2 phải chịu án phí có giá ngạch là không đúng. Cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện Trục Ninh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng khoản 4 Điều 68 BLTTDS cần rút kinh nghiệm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi ngH1 cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại pH1 toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại pH1 toà, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của bà Đỗ Thị H2 thấy:

[1] Tại pH1 tòa, chị H2 là người kháng cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H2.

[2] Về quan hệ pháp luật: Năm 2001 ông T3 là chồng bà H1 chuyển nhượng 570m² đất cho ông T2 hai bên thỏa thuận thời hạn đến hết năm 2013. Năm 2018 Nhà nước đã thu hồi toàn bộ diện tích 570m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T3 (bà H1), nên phát sinh tranh chấp. Nay bà H1 khởi kiện yêu cầu được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi bị thu hồi đất. Do vậy, cần xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi bị Nhà nước thu hồi đất nên cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện Trục Ninh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là phù hợp.

[3] Theo giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2001 giữa ông T3 với ông T2 thì ông T3 chuyển nhượng 570m² đất cho ông T2 đến hết năm 2013. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 570m² đất là hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn, nên anh S, chị H2 chỉ có quyền sử dụng 570m² đất đến hết năm 2013, sau đó phải trả lại diện tích đất này cho gia đình ông T3 nay là bà H1 (ông T3 đã chết), nên 570m² đất vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của hộ bà H1.

[4] Năm 2018 Ủy ban nhân dân huyện Trục Ninh thu hồi 570m² đất, do anh S, chị H2 là người trực tiếp sử dụng đất từ năm 2001 và tại thời điểm thu hồi đất anh S, chị H2 vẫn đang có trồng cây, nuôi trồng trên đất nên Hội đồng giải phóng mặt bằng đã chi trả bồi thường đất vượt lập, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi trên đất là phù hợp với các Điều 77 Luật đất đai và Điều 3 Nghị

định số 47/2017/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[5] Diện tích 570m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H1 từ năm 1994, nên khi Nhà nước thu hồi đất hộ bà H1 được hưởng khoản tiền bồi thường về thu hồi đất và khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm, ổn định đời sống theo quy định tại Điều 74, Điều 83, Điều 84 Luật đất đai năm 2013 và theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Vì vậy, chị H2 kháng cáo cho rằng được hưởng khoản tiền bồi thường khi thu hồi đất và các khoản hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm ổn định đời sống không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm dân sự: Do bà H1 yêu cầu quyền được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất được chấp nhận nên chị H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm nên chị H2 không pH3 nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 74, Điều 77, Điều 83, Điều 84 Luật đất đai năm 2013 và Điều 3, Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị H1.

2. Bà Dương Thị H1 đại diện cho hộ gia đình có quyền đến Ủy ban nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định nhận tiền bồi thường về thu hồi đất và khoản tiền hỗ trợ về chuyển đổi nghề nghiệp tạo việc làm và ổn định đời sống. Theo danh sách bồi thường, hộ bà H1 được nhận số tiền 125.880.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Gia S và chị Đỗ Thị H2 về đòi nhận khoản tiền bồi thường về thu hồi đất và các khoản hỗ trợ khác như chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm và ổn định đời sống đối với diện tích 570m² đất đã bị thu hồi.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị H2 không pH3 nộp, hoàn lại cho chị H2 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị H2 đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 05067 ngày 18- 7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H1 không phải nộp. Hoàn lại cho bà H1 số tiền đã nộp tiền tạm ứng án phí là 1.000.000đồng tại biên lai số 04908 ngày 22-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh. Chị H2 phải nộp là 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THAD huyện Trục Ninh;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu

(Đã ký)